

Tp. HCM, ngày 21 tháng 2 năm 2019

**BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
CÔNG TY VINATRANS NĂM 2019**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam (VINATRANS);
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ lần 9 năm 2018;

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam (VINATRANS) trân trọng báo cáo Đại hội Đồng Cổ Đông kết quả kiểm tra, giám sát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 như sau :

I. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trong năm, Ban Kiểm Soát đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HDQT) và một số cuộc họp của Ban điều hành, giám sát việc triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của HDQT và của Ban điều hành.
- Báo cáo kiểm soát hàng quý theo đúng quy định của Điều lệ Công Ty, đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh trong quý, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho HDQT.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018, BCTC năm 2018.
- Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các quy chế mà công ty đã ban hành.

II. Đánh giá việc thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018

1. Về hoạt động kinh doanh:

Năm 2018, Công ty tiếp tục kinh doanh có hiệu quả, hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ đề ra. Dịch vụ logistics được chú trọng phát triển ở tất cả các đơn vị kinh doanh, việc tìm kiếm và phát triển khách hàng mới được các đơn vị quan tâm, công tác bán hàng được đẩy mạnh, Ban điều hành luôn có những chính sách khuyến khích hoạt động bán hàng trong tất cả các bộ phận từ đó làm tăng thêm mạng lưới khách hàng vừa và nhỏ, đóng góp nhất định vào việc hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận chung của Công ty.

Cuối năm 2017, Công ty đã thành công trong việc ký hợp đồng với 1 hãng tàu mới chạy tuyến China-Vietnam-Thailand. Qua một năm hoạt động, với sự nỗ lực của VINATRANS trong vai trò GSA, dịch vụ của Hãng tàu Rizhao Shipping đã dần được khách hàng chấp nhận, sản lượng tăng lên nhiều lần và hiện nay Hãng tàu đã tăng tần suất tàu vào cảng Việt Nam.

Trong năm 2018, toàn Công ty đã thực hiện được tổng cộng 18.675 job files, tăng 8% so với năm 2017.

2. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty VINATRANS và báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Ô tô

Vina Vinatrans. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Mục đích báo cáo tài chính hợp nhất: giúp nhà đầu tư đánh giá cơ hội tài chính và rủi ro tiềm tàng của Công ty mẹ.

2.1 Tình hình tài chính công ty VINATRANS

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông một cách kịp thời theo các quy định hiện hành.

- Tổ chức hạch toán kế toán: Công ty đã thực hiện việc hạch toán và mở sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.

2.1.1 Tình hình biến động tài sản, nguồn vốn

Trong năm 2018, Công ty đã đạt các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	2018	2017 (Điều chỉnh)	Tăng/giảm		Tỷ trọng /Tổng TS, NV
				Giá trị	Tỷ lệ	
A	TÀI SẢN	370,503	344,837	25,666	7.4%	
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	264,073	230,389	33,684	14.6%	71.3%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	50,382	42,310	8,072	19.1%	13.6%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	150,660	96,800	53,860	55.6%	40.7%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	62,610	90,752	(28,142)	-31.0%	16.9%
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24,077	28,584	(4,507)	-15.8%	6.5%
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	52		52	-	0.0%
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	39,000	(39,000)	-	0.0%
	Phải thu ngắn hạn khác	39,169	23,856	15,313	64.2%	10.6%
	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(688)	(688)	-	0.0%	-0.2%
4	Hàng tồn kho	388	501	(113)	-22.6%	0.1%
5	Tài sản ngắn hạn khác	34	25	9	36.0%	0.0%
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	106,429	114,448	(8,019)	-7.0%	28.7%
1	Tài sản cố định	18,023	19,423	(1,400)	-7.2%	4.9%
	Tài sản cố định hữu hình	8,325	9,699	(1,374)	-14.2%	2.2%
	- Nguyên giá	22,841	23,415	(574)	-2.5%	6.2%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(14,517)	(13,716)	(801)	5.8%	-3.9%
	Tài sản cố định vô hình	9,698	9,724	(26)	-0.3%	2.6%
	- Nguyên giá	9,912	9,912	-	-	2.7%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(214)	(188)	(26)	13.8%	-0.1%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	88,099	94,506	(6,407)	-6.8%	23.8%
	Đầu tư vào công ty con	17,948	17,948	-	-	4.8%
	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	28,577	28,577	-	-	7.7%
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36,888	30,808	6,080		10.0%
	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(314)	(487)	173	-35.5%	-0.1%
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5,000	17,660	(12,660)	100.0%	1.3%
4	Tài sản dài hạn khác	308	519	(211)	-40.7%	0.1%
B	NGUỒN VỐN	370,503	344,837	25,666	7.4%	100.0%
I	NỢ PHẢI TRẢ	84,023	59,807	24,216	40.5%	22.7%
1	Nợ ngắn hạn	83,789	59,573	24,216	40.6%	22.6%
	Phải trả người bán ngắn hạn	14,916	21,607	(6,691)	-31.0%	4.0%
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4,332	4,913	(581)	-11.8%	1.2%
	Phải trả người lao động	15,439	17,216	(1,777)	-10.3%	4.2%
	Phải trả ngắn hạn khác	40,490	6,029	34,461	571.6%	10.9%
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8,611	9,807	(1,196)	-12.2%	2.3%
2	Nợ dài hạn	234	234	-	0.0%	0.1%
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	286,480	285,030	1,450	0.5%	77.3%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	255,000	255,000	-	-	68.8%
2	Vốn khác của chủ sở hữu	136	136	-	-	0.0%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31,344	29,894	1,450	4.9%	8.5%

Với số liệu trên, tài sản và nguồn vốn tăng 7.4% so với năm 2017, trong đó Ban Kiểm soát lưu ý một số điểm nổi bật trong năm như sau :

- **Các khoản phải thu khác:** các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng chủ yếu là các khoản phải thu hộ Hãng tàu Rizhao.

- **Các khoản đầu tư tài chính:**

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các Ngân hàng Thương mại và Công ty Tài chính với lãi suất từ 6,5%/năm đến 10%/năm.

- Trong năm, thực hiện theo điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 48% vốn góp vào Công ty TNHH Logistics Sojitz có giá gốc là 4,8 tỷ đồng, giá trị chuyển nhượng là 6 tỷ đồng.

- Công ty đã mua 304.000 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Vinafreight đã phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 20.000 VND/cổ phiếu, tương ứng với 6,08 tỷ đồng.

- **Tài sản cố định:** Do không còn phù hợp với nhu cầu kinh doanh, công ty đã thanh lý 01 xe đầu kéo và 01 Ro-mooc, có tổng nguyên giá 574 triệu đồng, đã khấu hao hết 478,3 triệu đồng, giá trị thanh lý 128 triệu đồng, mang lại khoản chênh lệch 32.3 triệu đồng.

- **Các khoản phải trả khác:** là các khoản thu hộ phải trả Hãng tàu Rizhao theo thỏa thuận hợp đồng.

2.1.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Kết quả kinh doanh của riêng Công ty mẹ (Theo BCTC của Công ty mẹ)**

ĐVT: triệu đồng

	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	166,368	183,555	(17,187)	-9.4%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31,336	30,590	746	2.4%
3	Lợi nhuận khác	850	1,422	(572)	-40.2%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32,186	32,087	99	0.3%
5	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,786	4,364	(578)	-13.2%
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28,399	27,723	676	2.4%

- Căn cứ vào số liệu trên, so với năm 2017, doanh thu giảm 9,4%, nguyên nhân sản lượng hàng Dự Án của CT TNHH Công nghiệp nặng Doosan giảm mạnh, doanh thu dịch vụ lưu cước đường biển, hàng không đều giảm. Tuy nhiên, nhờ việc tiếp cận các đơn vị trong hệ thống VN STEEL để thực hiện dịch vụ logistics có sự tăng trưởng trong năm 2018, cụ thể doanh thu dịch vụ cung cấp trong năm 2018 đạt khoảng 7 tỷ, so với năm 2017 là 1,4 tỷ nên góp phần làm doanh thu vượt kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế tăng 99 triệu đồng, tương ứng 0.3%, lợi nhuận sau thuế tăng 676 triệu đồng, tương ứng tăng 2,4%.

- Phần doanh thu tài chính năm 2018 tăng 3,7 tỷ đồng, bên cạnh việc chủ động quay vòng và sử dụng dòng tiền, tìm kiếm các tổ chức tín dụng uy tín để gửi tiết kiệm với lãi suất dao động từ 6,5% - 10%/năm, Công ty đã nhận được khoản chia lợi nhuận tích dồn từ công ty liên doanh Lotte VINATRANS sau 10 năm hoạt động.

- Chi phí tài chính giảm do hoàn nhập một phần khoản dự phòng giảm giá cổ phiếu ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank).

- Thu nhập khác là khoản thu nhập từ dịch vụ quản lý thông tin và thanh lý TSCĐ.

2.2 Kết quả giám sát từ các hoạt động đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

2.2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con

ĐVT: triệu đồng

	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017	Tăng / Giảm	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32,394	35,817	(3,423)	-9.6%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	992	397	595	149.9%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4,103	3,110	993	31.9%
4	Vốn góp của chủ sở hữu	19,400	19,400	-	
5	Tỷ lệ lãi / vốn	5.11%	2.05%		3.1%

- Năm 2018 công ty con tiếp tục hoạt động có lãi, trong năm công ty con đã thực hiện thanh lý 2 đầu kéo, 10 romooc đã hết khấu hao, không còn đáp ứng được yêu cầu vận tải của khách hàng, việc thanh lý thực hiện thông qua đấu giá công khai theo quy định pháp luật.

- Giá nhiên liệu và chi phí cầu đường biến động đã ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của hoạt động vận tải, đặc biệt trong quý II và quý III/2018 giá nhiên liệu tăng nhưng không điều chỉnh được giá hợp đồng với khách hàng.

2.2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất :

ĐVT: triệu đồng

	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017	Tăng / giảm	Tỷ lệ
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46,200	47,661	(1,461)	-3.1%
	<i>Trong đó, Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>12,755</i>	<i>18,295</i>	<i>(5,540)</i>	<i>-30.3%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42,148	43,178	(1,030)	-2.4%
3	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	42,073	43,149	(1,076)	-2.5%
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	75	29	46	158.6%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp)	1,650	1,689	(39)	-2.3%

- Năm 2018, các công ty liên doanh, liên kết đều hoạt động có lãi, tuy nhiên một số công ty có mức lãi sụt giảm đáng kể so với năm trước nên lợi nhuận hợp nhất giảm, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến doanh thu tài chính của công ty trong năm 2019.

2.3 Một số vấn đề khác:

- Trong năm, Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán tại công ty. Theo kết luận kiểm toán nhà nước, Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật về việc hạch toán kế toán, bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Thực hiện theo ý kiến Kiểm toán nhà nước, Công ty đã nộp khoản tiền thuê đất 2.3 tỷ vào NSNN. Khoản tiền thuê đất này công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả từ các năm trước nên việc nộp tiền vào NSNN không gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.

2.4 So sánh mức độ hoàn thành kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu (đvt : tỷ đồng)	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% Thực hiện / Kế hoạch
1	Doanh thu	160,000	166,368	104%
2	Lợi nhuận trước thuế	29,500	32,186	109%
3	Lợi nhuận sau thuế	25,000	28,399	113%

Theo số liệu so sánh, năm 2018 là năm công ty kinh doanh có hiệu quả, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra.

III. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý :

- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty. Trước những khó khăn chung của ngành vận tải, tình hình cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực nhưng Công ty vẫn giữ vững và ổn định các nhân sự chủ chốt, vẫn hoạt động kinh doanh có lãi, đặc biệt công ty đã rất nỗ lực trong vai trò Tổng đại lý của hãng tàu Rizhao, nâng cao vị thế của công ty trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

- Các thành viên HĐQT đã tích cực chỉ đạo và cùng với Ban điều hành tìm kiếm thêm khách hàng, tăng cường sự liên kết hệ thống để tăng nguồn thu, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh cho công ty.

- HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

IV. Các đề xuất và kiến nghị

- Nguồn thu của công ty từ dịch vụ cho thuê kho bãi chiếm tỷ trọng đáng kể, đặc biệt từ khu kho bãi 161 Nguyễn Văn Quỳ, quận 7, tuy nhiên Hợp đồng thuê đất của khu đất này sẽ hết hiệu lực vào 31/12/2020, do đó đề nghị công ty chuẩn bị các thủ tục cần thiết để gia hạn hợp đồng, hạn chế tối đa biến động về chi phí thuê đất gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong thời gian tới.

V. Kế hoạch hoạt động năm 2019

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động của Công Ty và tiếp tục thực hiện chương trình công tác đã ban hành, cụ thể:

- Giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2019 của Công Ty.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên Ban kiểm soát nhất trí thông qua, kính trình Đại Hội đồng cổ đông.



TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

VŨ THỊ BÌNH NGUYÊN